

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/ HNGĐ- ST

Ngày 08/8/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mạc Thúy Ngân

Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Đức H, sinh năm 1977

Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1977

Đều có địa chỉ: Khu dân cư C 2, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Anh Hưng vắng mặt có lý do, chị Dung vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Anh H và chị D kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C(nay là UBND phường C), thành phố C, tỉnh H. Khi đó, anh H và chị D đều 25 tuổi và cùng làm nông nghiệp tại địa phương. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau được một tháng rồi đi đến kết hôn và có tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh H. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2001, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích nhau. Tuy vậy, anh chị vẫn nhẫn nhịn vì con cái nên vẫn sinh sống cùng nhau. Thời gian gần đây, anh H thay đổi tình cảm dành cho gia đình. Theo anh H, nguyên nhân là do vợ chồng có suy nghĩ, lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến thiệt hại về vật chất, tài sản, ảnh hưởng đến các con. Anh chị cố gắng hàn gắn nhưng kết quả không thay đổi và đã sống ly thân nhau một năm qua. Theo chị D, anh H có nói với chị là không muốn sinh sống cùng với chị nữa, chị đã khuyên bảo, anh H không những không thay đổi mà còn nóng nảy, đập phá đồ đạc trong nhà, làm ảnh hưởng đến vật chất và tinh thần của anh chị, con cái. Nhiều tháng nay, anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Anh H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị D. Chị D xác định không còn biện pháp nào níu kéo tình cảm vợ chồng nên nhất trí ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phùng Thị H, sinh ngày 19/4/2001 và Phùng Đức D, sinh ngày 01/8/2006. Cháu H đã lớn, trưởng thành, trên 18 tuổi khỏe mạnh, bình thường khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà tùy cháu muốn ở với ai thì ở. Anh chị thỏa thuận giao cháu D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là 1.000.000đ/1 tháng. Chị D hiện làm nông nghiệp, thu nhập hàng tháng là 3.000.000đồng, chị có thời gian và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D.

Về tài sản chung, nợ: Anh H và chị D đều xác định vợ chồng có nhà, đất tại khu dân cư C 1, phường C, thành phố C, tỉnh H nhưng khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư C 1, phường C, thành phố C, tỉnh H xác nhận: Anh H và chị D là công dân, thường xuyên sinh sống tại khu dân cư C 1, phường C, thành phố C, tỉnh H. Quá trình sinh sống tại địa phương, cơ sở khu dân cư không nắm bắt được cụ thể mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình anh chị, không thấy anh chị cãi nhau, xô xát to tiếng cần sự can thiệp của khu dân cư. Nhưng theo dư luận tại khu dân cư, thời gian gần đây anh H thay đổi tính tình, không muốn sinh sống cùng nhà với chị D mà muốn lên Chùa ở. Chị D và gia đình can ngăn nhiều lần nhưng anh H không nghe, còn bực tức đập phá đồ đạc trong gia đình. Anh H không còn quan tâm đến việc công việc gia đình, ăn riêng, ngủ riêng và vợ chồng sống ly thân, không trò chuyện với nhau nhiều tháng nay. Nay anh H xin ly hôn chị D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Phùng Thị H, sinh ngày 19/4/2001 và Phùng Đức D, sinh ngày 01/8/2006, hiện hai cháu vẫn đang sống cùng anh chị. Nếu anh chị ly hôn, việc giao các cháu cho ai trực tiếp nuôi dưỡng đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh H và chị D đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Đức H. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Phùng Đức H được ly hôn với chị Lê Thị D. Về con chung: Giao con chung là Phùng Đức D, sinh ngày 01/8/2006 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng. Anh H có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phùng Đức H khởi kiện xin ly hôn đối với chị Lê Thị D có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị D là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, anh H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Đức H và chị Lê Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hằng ngày. Tuy vậy, anh chị vẫn sinh sống cùng nhau và nhẫn nhịn vì con cái. Khoảng một năm trở lại đây, tình cảm của anh chị không được cải thiện mà xảy ra mâu thuẫn càng trầm trọng, nặng nề. Anh H không còn quan tâm gì đến gia đình, vợ con mà ăn riêng, ngủ riêng, anh chị còn xảy ra xô xát, đập phá đồ đạc trong nhà. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng. Anh chị sống ly thân,

bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D cũng không còn biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận anh H được ly hôn chị D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Cháu Phùng Thị H, sinh ngày 19/4/2001, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Phùng Đức D, sinh ngày 01/8/2006, hiện còn nhỏ, sinh sống thường xuyên cùng chị D. Chị D hiện làm nghề nông nghiệp, có thu nhập, có thời gian, điều kiện để chăm sóc cháu. Vì thế, tiếp tục giao cháu D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thỏa thuận, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và nguyện vọng của cháu D. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 1.000.000đồng/1 tháng, anh H tự nguyện nhất trí nên cần được chấp nhận.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Đức H.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Đức H ly hôn chị Lê Thị D.

- Về con chung: Giao con chung của anh chị là Phùng Đức D, sinh ngày 01/8/2006 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị D là 1.000.000đồng/1 tháng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày chị D yêu cầu thi hành án, nếu anh H chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Anh H có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Anh Phùng Đức H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006820 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H, anh H còn phải nộp 300.000đồng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương